TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 18/2022/QĐST-HNGĐ

Phan Thiết, ngày 19 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 36, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 150, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*

-Ông Lê Như A, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Khu phố 7, phường L, thành phố P, Bình Thuận

-Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường P, thành phố P, Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH

[1] Ông Lê Như A và bà Nguyễn Thị Ngọc H đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108/2015, quyển số 01/2015, ngày 16/12/2015. Nay ông A, bà H xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Như A và bà Nguyễn Thị Ngọc H thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Lê Thị Kim A, sinh ngày 09/7/2016. Ông bà thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao con chung là Kim A cho bà Nguyễn Thị Ngọc H nuôi dưỡng và chăm sóc, ông Lê Như A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn ông A vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông A, bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

- Về tài sản chung: Ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Như A và Bà Nguyễn Thị Ngọc H nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Ngày 30/6/2022 ông A, bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009878 tại Chi cục thi hành án thành phố P. Ông Lê Như A và Bà Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 2, 6,7, 7A, 9, 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**
- Đương sự;
- VKSND Tp.P;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Trần Quốc Trí